

Ariya Po Phaok

CM 29 (1)

*1. Ni panah tabiak di dalam bal Ca-ndar [Canar]
Po Phaok apan nagar, patuei hadei Ka Nduey Nguen.*

Tác phẩm này viết tại thủ đô Bal Canar (Tĩnh Mỹ, Phan Rí)¹ vào lúc Po Phaok The (1828-2832)² là quốc vương và Ka Nduey Nguen³, tức là Nguyễn Văn Nguyên là phó vương.

*2. dalam nagar baol [buol] sa [su] bhap mbon nyén,
sanang anit lac ka Po daok apan nagar Cam.*

¹ Vào cuối thế kỷ thứ XVII, linh mục F. Fallu (1668, tr. 87) và linh mục Bennetat trong bức thư gửi cho Dufau ngày 20 tháng 6 năm 1746 xác nhận rằng thủ đô của vương quốc Champa nằm ở Phan Rí nhưng không xác định chỗ nào. Theo bức thư của Bentenat, tức là linh mục ở Bắc Kỳ vào năm 1748-1749, thủ đô của Champa vào thời điểm đó nằm giữa thôn Hà Bắc và Ma Ó thuộc khu vực Phan Rí, tức là Palei Canar (thôn Tĩnh Mỹ) mà tác phẩm CM 29 (1) nêu ra.

E. Durand (1905, tr. 384) và J. Leuba (1932, tr. 35) cũng cho rằng thủ đô Champa vào thế kỷ thứ XVII nằm ngay trong làng Palei Canar (Tĩnh Mỹ), ở phía nam của trụ sở huyện Hòa Đa. Thêm vào đó, địa danh Canar còn ghi trên bản đồ của H. Parmentier (1918, PL CIX) và bản đồ Indochine (Phan Thiet Est, 1925).

² Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Po Phaok*, ám chỉ cho Po Phaok The (1822-1828), tức là phó vương dưới triều đại Po Klan Thu (1822-1828).

³ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Ka Nduey Nguen*, tiếng Việt “Cai Đội Nguyễn” ám chỉ cho Nguyễn Văn Nguyên, phó vương Champa. Xem DNNTC (XII, tr. 42), QTCB (tr. 196).

Tác phẩm CAM MICROFILM 17 (1), câu 54 và tiếp theo cho biết người Chăm gọi Ka Nduey Nguen là Cei Dhar Kaok.

Ariya Po Phaok

Trong vương quốc, quân chúng Champa bỗng nhiên⁴ nghĩ đến Po Phaok The và Ka Nduey Nguen, là hai nhà lãnh đạo quốc gia⁵.

3. *yah nyu mak dua ni Po ciip matai,
nyu ngap harak brei mai, tayah nagar raong abih.*

Nếu triều đình Huế bắt Po Phaok The và Cai Đội Nguen, chắc chắn hai Ngài phải bị tử hình, bởi vì triều đình Huế đã ra chỉ dụ xóa bỏ vương quốc Champa trên bản đồ.

Minh Mệnh trừng phạt nhân dân Champa

4. *tel thun nasak nagaray balan klau,
harak ni nduec mai dihlau [dahlau], nyu mak ni Phaok Ka
Nduey Nguen.*

Vào tháng 3 năm Thìn lịch Chăm (1832), triều đình Huế ra lệnh bắt quốc vương Po Phaok The và phó vương Ka Nduey Nguen (Nguyễn Văn Nguyên)⁶.

5. *nyu mak hu ba ni nao ka patao,
tanyi blaoh nyu ba nao, palihik dua urang,.*

Triều đình Huế bắt hai ngài đưa đi nộp cho vua Minh Mệnh. Sau cuộc điều tra và thẩm vấn, triều đình Huế kết tội tù đầy hai nhà lãnh đạo này, nhưng người ta không biết ở đâu.

⁴ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *mbon nyén*, tiếng Việt “bỗng nhiên”.

⁵ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *nagar Cam* “vương quốc Chăm”. Thuật ngữ “vương quốc Chăm” ở đây không xác thực cho lắm, vì Champa không phải là vương quốc dành riêng cho người Chăm mà cả dân tộc Churu, Raglai và Kaho.

⁶ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *mak ni Phaok Ka Nduey Nguen* « Bắt Phaok và Ka Nduey Nguen », tức là bắt Po Phaok The và Kai Đội Nguyễn (Nguyễn Văn Nguyên).

Ariya Po Phaok

6. *blaoh nyu brei Yuen angan ja Kham Mang mai,
pa-ngap jiang lang nyu brei angan kai taong lik kleng,,*

Sau đó triều đình Huế ra lệnh cho Khâm Mạng⁷ gốc người Kinh đến Champa để tổ chức làng xã và hình thành các chức vụ Cai Tổng⁸ và Lý Trưởng⁹.

7. *nyu pa-ndar patak kayau ngap tro,
oh thau kieng ngap jeng hanuey [hanruey] , huec di Yuen tak
akaok,,*

Khâm Mạng bắt dân tộc Chăm đốn cây để làm trại¹⁰ quân đội. Vì không biết kỹ thuật xây dựng lều trại này và sợ triều đình Huế chém đầu, người Chăm giả bộ làm người bệnh hoạn điên khùng.

8. *hadiap saong anak hia caok,
ka-nda ka Yuen tak akaok, hia ni ew po lingk,,*

Vì quá sợ triều đình Huế chém đầu, vợ con người Chăm khóc than xin trời ban phúc.

9. *nyu pa-ndar blei ralin ngap manyak saong cay,
mak rasa njruah di glai, hu di ni ba rai limah,,*

Khâm Mạng buộc người Chăm phải đi tìm sáp và mù thông để làm dầu đốt đèn, bắt con nai, con mang trong rừng cho bằng được để mang lại cho ông ta.

⁷ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Kham Mang*, tiếng Việt “Khâm Mạng”, ám chỉ cho đặc sứ của vua Minh Mệnh.

⁸ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *kai tong*, tiếng Việt “cai tổng”, tương đương với xã trưởng hôm nay.

⁹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *lik kleng*, tiếng Việt “lý trưởng”, tức là thôn trưởng.

¹⁰ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *tro*, không có nghĩa trong câu. Chúng tôi nghĩ rằng *tro* có thể viết đúng là *trai*, tiếng Việt “trại”, đồn lính.

10. *yah oh hu kau tak ni kaok hâ talah,
ba marai limah bi drah, kau ba ni nao limah patao,,*

Khâm Mạng buộc người Chăm phải mang lại cho nhanh những sản phẩm này để nộp cho vua Minh Mệnh. Nếu không, ông hăm dọa chém đầu người Chăm.

11. *anak Cam suak yawa mang pabah,
ka so ni Cam o patuah, dues ni sak mang thun halei,,*

Dân tộc Chăm than van cho số phận¹¹ không may mắn, cho tội lỗi này có tự bao giờ.

12. *ay Cei Po anit Cam hai,
Cam halun jéng Raglai, calah caluen nao abih,,*

Xin Cei và Po¹² hãy thương xót cho dân tộc Chăm này, một tập thể đã bị ly tán và biến thành cộng đồng Raglai.

13. *tuk sa caik ni drei kieng ndih,
nyu ataong tagok abih, nyu ew pa [ba] nao hua ahaok,,*

Canh một¹³ ban đêm, người Chăm vừa mới dựa mình để tìm giấc ngủ, Khâm Mạng kêu họ thức dậy để đi kéo thuyền bè.

¹¹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *so*, tiếng Việt “số” có nghĩa là số phận.

¹² Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Aey Cei Po*, thuật ngữ cảm thán ám chỉ cho quốc vương Po Phaok The và phó vương Ka Nduey Nguen, tức hoàng tử Cei Dhar Kaok.

Trong tác phẩm CM 29 (1), tác giả muốn gợi cảm tâm sự của mình đến quốc vương Po Phaok The và phó vương hoàng tử Cei Dhar Kaok mà vua Minh Mệnh bắt đưa về Huế vào năm 1832 và kết tội tử hình vào tháng 6 năm Ất Vị (1835), vì tội theo Lê Văn Khôi.

¹³ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *tuk*, ám chỉ cho đơn vị thời gian. Theo truyền thống của người Chăm, ngày và đêm chia thành 16 *tuk*. Mỗi *tuk* có vào khoảng 1 giờ 15 phút.

Ariya Po Phaok

14. *nao tel sait ni khuai apan talei,
tangin ni nyu tacei, hawei nyu brei ni sap bruh tagok,,*

Vừa đến nơi, Khâm Mạng cầm dây điều khiển. Roi cầm trên tay, Khâm Mạng ra tay để cho người Chăm kéo thuyền.

15. *hua oh truh jang ataong Cam rei,
dues ni sak mang ndey halei, ni Cei sanang piéh di tian,,*

Thuyền quá nặng, người Chăm kéo không nổi cũng bị Khâm Mạng trừng phạt. Thế thì tội lỗi này bắt nguồn từ đời¹⁴ nào, xin Cei (hoàng tử) nên suy nghĩ lại.

16. *anak Cam dom di ân raong tian,
Cei sanang di riim pakar, anit anak Cam gila,,*

Người Chăm chịu đựng dù nát lòng. Họ biết Cei suy nghĩ đủ điều về số phận dân tộc Chăm thiếu may mắn¹⁵.

17. *miik [hamiit] sap Cei ni Po deh di bal Panrang,
truh ni thrâh dalam tian, sibar ma [meng] nao kieng ka
truh¹⁶ ,,*

Tuk 1 (canh 1) của ban ngày bắt đầu vào gà gáy đầu tiên vào khoảng 6 giờ 30 buổi sáng và tuk 1 của ban đêm bắt đầu vào khoảng 6 giờ 30 chiều. Xem. CAM 146 (3), tr. 25-27, E. Durand (1907, tr. 337), Nguyễn Khắc Ngữ (1958, tr. 52-53), Thiên Sanh Cảnh (1973, tr. 16), L. Finot (1917, tr. 33).

¹⁴ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *ndey*, tiếng Việt “đời”.

¹⁵ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *gila* “khờ dại, ngây thơ”. *Gila* ở đây ám chỉ cho người Chăm thiếu may mắn thì đúng hơn.

¹⁶ Po Phaok The và Cei Dhar Kaok bị vua Minh Mệnh bắt vào năm 1832 để đưa về Huế nhưng không biết hai Ngài bị giam ở đâu. Có chăng hai Ngài vượt ngục để trở về Phan Rang?

Ariya Po Phaok

Nghe tin Cei và Po có mặt trong dinh ở Phan Rang, người Chăm rất lo mừng không biết làm thế nào để thăm hai Ngài được đây.

*18. tiap nao aiek bi tel dua urang,
yah biak ni deh di Panrang, marai akhan wek bi drah,,*

Tôi có nhờ người ta đi xem có thật là hai Ngài đến Phan Rang hay không. Nếu thật họ sẽ báo lại cho tôi biết.

*19. ga-mbak di Cei nao akhan tel Po,
ra-mbi ra-mbâp biak lo, ka Yuen pa-ndar harei malam,,*

Mong Cei nói lại với Po rằng dân tộc Chăm khốn khổ vì triều đình Huế¹⁷ cai trị họ ngày đêm.

Cuộc vùng dậy của Churu và Raglai 1834

*20. mang di thun nasak athaih lin ni pin [lin tapin],
Cru Raglai ngap kalin, nyu mak Cam tak di saoh,,*

Năm Ngọ (1834) là năm tăm tối, vì người Churu và Raglai sát hại người Chăm không biết vì lý do gì¹⁸.

*21. mbéh [mboh] ya [yau] nan dalam ni tian huec lo,
sanang ka drei oh hu Po, hapak labik kieng ga-mbak,,*

Thấy như vậy, người Chăm vô cùng lo sợ, vì dân tộc này không còn vua chúa không biết nương tựa vào ai.

¹⁷ Tác phẩm 29 (1) ghi: *Yuen*, từ chung ám chỉ người Việt hay quốc gia của dân tộc Việt. Trong tác phẩm này, *Yuen* thường ám chỉ cho triều đình Huế hơn là dân tộc Kinh.

¹⁸ Biến cố này đã xảy ra trong cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa (1834-1835). Xem chương Ja Thak Wa.

Ariya Po Phaok

22. *lakau di Cei nao pathau tel Po,
Cam halun jhak lo, lihik nagar oh hu Po., [9]*

Xin Cei tâu lại với Po rằng người Chăm là cộng đồng không còn quê hương và cũng không có nhà lãnh đạo.

Chính sách chiếm đoạt đất đai và qui chế thuế má

23. *aei Cei Po anit Cam metuei Cam gila,
tanah hamu mada, jang nyu mak abih ka nyu.,*

Cei và Po hãy thương hại cho dân tộc Chăm mồ côi và thiếu may mắn này. Đất đai bao la của người Chăm bị người Kinh tịch thu để biến thành tài sản của họ.

24. *nyu pamasrai y sa ratuh jéng rabuw,
nyu mak hamu nao dahlau, ra-mbah ra-mbâp Cam dahlak.,*

Người Kinh cho vây lãi một thành một ngàn, lấy cả ruộng đất để thế chân¹⁹, làm cho người Chăm lâm vào cảnh khôn đốn.

25. *krung jia sa labik sa jak, [10]
nyu mak hakak sa pluh jak wek, nyu paoh ataong Cam dahlak.,*

Thuế ruộng xưa kia mỗi nơi chỉ có một giá. Hôm nay phải đóng thành mười²⁰, nhưng triều đình Huế còn hiếp đáp bà con Chăm.

¹⁹ Theo điều 587 của Quốc Triều Hình Luật, tiền lãi cho vây là 36% mỗi năm. Dưới thời nhà Nguyễn, tiền lãi trung bình là 120% một năm và đôi lúc nâng lên tới 700% một năm. Thông thường, chủ nợ buộc người vây tiền phải giao tài sản cho họ, nhất là ruộng đất để thế chân. Xem Vũ Văn Mẫu (1973) *Philastre* (I, 1876, tr. 161), Schreiner (II, 1901, tr.317), Souvigner (1903, tr. 380), Bửu Lộc (1941, tr. 8), Nguyen Thanh Nha (1970, tr. 173), Dương Trung Tinh (1952), Garros (1905).

26. *oh hakak nyu mak ni dan di pa-ndiak,
blaoh nyu mak ba tabiak, pang jamang nyu ataong paraong
paraih,,*

Nếu không đồng, triều đình Huế bắt người Chăm cột vào cây
cọc phơi ngoài nắng, sau đó tra tấn họ dã man.

27. *lakau di Cei nao pathau tel Po,
hiep ni [11] ndap biak lo, sibar ma Cam ciip mang mahu,,*

Xin Cei tâu lại với Po rằng, trước sự hiếp đáp²¹ quá đáng này,
làm sao dân tộc Chăm chịu²² cho nổi.

28. *likau di Cei nao pathau tel Po,
yah anit Cam dihlak [dahlak], piéh naong aia ka Po,,*

Xin Cei tâu lại với Po rằng nếu Po thương hại người Chăm,
họ sẵn sàng làm nghề gánh nước phục vụ cho ngài.

29. *tadhurw ayuh Cei su Po Dobata,
ngap ni dhar ka anak Cam gila, oh pak libik kieng ga-mbak,,
[12]*

Xin dâng đến Cei và Po Dobata²³ lời cầu chúc đem lại phúc
đức cho dân tộc Chăm vì họ không có thời may và một tập thể
không biết nương tựa vào ai

²⁰ Qui chế thuế má dưới thời nhà Nguyễn thường đánh vào đất đai, đầu
người, sản phẩm và thương mại. Muốn biết thêm chi tiết qui chế về
thuế má dưới thời Minh Mệnh, xem MMCY (II, tr. 35), Nguyen Thanh
Nha (1970, tr. 35), Louis-Hénard (1975, tr. 359), Nhật Thanh (1970, tr.
478), Gourou (1965, tr. 230).

²¹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *hiep ndap*, tiếng Việt “hiếp đáp”.

²² Tác phẩm 29 (1) ghi: *ciip*, tiếng Việt “chịu”.

30. *kuk akaok tapak su Po that tiak,
Po ni mak dan di pa-ndiak, Cam dahlak jong [jieng] hilal
[halar],,*

Dân tộc Chăm xin cúi đầu bày tỏ lòng trung thành đối với Po. Dù Po có bắt người Chăm phơi ngoài nắng, họ vẫn chấp nhận tuân lệnh Ngài.

Vai trò của phủ Bình Thuận

31. *Po Yuen di dala [dalam] nagar Mbing Thun,
nyu paoh ataong Cam dahlak, payah galang ba pa [pak]
ngaok,,*

Quan lại người kinh ở xứ Bình Thuận²⁴ không ngừng hiếp đáp người Chăm buộc họ phải phá hủy đồn trại²⁵ để dời đi chỗ khác.

32. *nyu ngap klau ni thun dom hia,
kasaot pa-ndap lo di [13] hia, leng hanuak [hanuk] jang oh
phat,,*

Trong suốt ba năm trường, người Chăm than khóc về sự thống khổ cơ cực, vì triều đình Huế không phát²⁶ cho người Chăm tiền lương²⁷ lao động của họ,

²³ *Dobata* (Phạn ngữ: *devata*) có nghĩa “thần thánh, đáng màu nhiệm”. Trong văn chương Chăm, *Dovata* còn là chức phong danh cho vua chúa. Po Dobata trong câu này ám chỉ cho Po Phaok The.

²⁴ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Mbing Thun*, tiếng Việt “Bình Thuận”. Bình Thuận là phủ của triều đình Huế thành lập vào năm 1692, tập trung những dân cư người Kinh sinh sống trên lãnh thổ Champa.

²⁵ *Galeng* trong tiếng Chăm có nhiều nghĩa: nhà kho, đồn lũy quân sự, cơ sở hành chánh có an ninh canh giữ.

²⁶ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *phat*, tiếng Việt “phát”

²⁷ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *leng*, tiếng Việt “lương”

33. *nyu phat ka Yuen nyu sa balan sa kajeng [kaje],
jén sa kuan mbeng labaih, ka hadiap saong anak,,*

Trong khi đó, triều đình Huế phát cho người Kinh mỗi tháng một *kaje*²⁸ lúa, tiền một quan, ăn cả gia đình và vợ con cũng không hết.

34. *Cam halun hadiap anak mak janing,
brah oh hu sa panyin [pangin], Yuen pa-ndar harei malam,,*

Vợ con người Chăm không có một chén gạo, đành phải ăn khoai rừng²⁹, trong khi đó người Kinh còn chỉ huy họ ngày đêm.

35. *kana di Cei [14] nao pathau Po hai,
nyu lac ni ha Cam Raglai, patao ni bia hô [hâ] hapak,,*

Xin Cei nên tâu lại với Po rằng người Kinh lúc nào cũng bày tỏ sự khinh khi: “chúng mày là người Chăm và Raglai, thế thì vua chúa chúng mày hiện ở đâu”?

Tham gia chiến trường chống Lê Văn Khôi

36. *patao Yuen pa-nduec harak mai malam,
nyu pa-ndar mak Cam, nao masluh [masruh] Nđéng Nai,,*

Vua Minh Mệnh ra chỉ dụ cả ban đêm buộc người Chăm phải xung phong ra chiến trường ở Đồng Nai³⁰.

²⁸ *Kaje* là thùng dùng để đo lường lúa gạo, vào khoảng 40 ký.

²⁹ *Janing* là loại khoai rừng (*Manihot utilissima* Pohl.).

³⁰ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Nđéng Nai*, tiếng Việt “Đồng Nai”. Xem QTCB, tr. 196.

Chiến trường Đồng Nai ám chỉ cho cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi ở Gia Định Thành.

37. *anak Cam nduec calah tama glai,
Yuen mak anak saong hadiap ba mai, nyu buh taniap
[ganiep] [15] saong anuh,,*

Vì không muốn ra chiến trường, người Chăm chỉ còn cách là chạy trốn vào rừng. Thế là triều đình Huế bắt vợ con của họ bỏ vào gông cùm.

38. *anit hadiap tabiak di glai wek mai,
ciip ka Yuen pamatai, tok ni klah hadiep anak,,*

Vì thương xót cho hoàn cảnh gia đình, một số người Chăm chấp nhận tội tử hình để triều đình Huế không hành hạ vợ con của họ nữa.

39. *nyu mak Cam ngap ni glac ba nao,
nyu pa-nduec harak nao ka patao, pa-ndar ni mak Cam bi
hu,,*

Sau đó, phủ Bình Thuận xin phép vua Minh Mệnh bắt tất cả người Chăm đi chiến trường.

40. *patao pa-ndar mak ni [16] Cam Puriik [Parik] Panrang
Kraong Pajai,
Yuen pataom abih ba marai, ni pacakaong [pacakong] phaw
nao bi drah,,*

Vua Minh Mệnh ra lệnh tập trung Chăm Phan Rí, Phan Rang, Long Hương và Phú Hải để khiêng súng đạn ra Đồng Nai càng sớm càng tốt.

41. *nyu ganaong dalam ni tian biak lo,
nyu kuait ni lac mak po, ba ni nao limah patao,,*

Ariya Po Phaok

Phủ Bình Thuận vô cùng tức giận và nhất quyết³¹ bắt những người lãnh đạo Chăm đệ nộ cho vua Minh Mệnh.

42. *blaoh Yuon pa-nduec harak wek nao,
nyu likau di patao, nyu kieng nao deng masuh,, [17]*

Sau đó phủ Bình Thuận đệ trình lên vua Minh Mệnh để xin phép tham gia vào chiến trường³².

Chính sách tiêu diệt 3 người Chăm mỗi ngày

43. *dom Yuen langiw galeng biak ires,
patao ni brei ka nyu pagleh, klau urang sa jala,,*

Những người Kinh sống ngoài đồn lũy thật khôn³³ được vua Minh Mệnh cho phép chém giết ba người Chăm mỗi ngày.

44. *nyu puec yau nyu anak Dobuta [Dobata],
nyu puec ni blaoh oh huoc [huoc] ka-nda, nagar palei nyu
kieng nao,,*

Tự xem mình là con của đấng Dobata³⁴, người Kinh nguyện rửa người Chăm thậm tệ để rồi dân tộc này không biết đi tìm lánh nạn ở đâu.

45. *lakau di Cei nao pathau tel Po,
Yuen hareh biak [18] lo, nyu kuait paraong Cam dahlak,,*

Xin Cei tâu lại với Po rằng triều đình Huế thật là độc đoán, cố tâm bóc lột dân tộc Chăm³⁵.

³¹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *kuait*, tiếng Việt “quyết”.

³² Âm chỉ cho chiến trường chống cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi.

³³ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *ires* (Mã Lai : *arif*), khôn ngoan, thông minh, cẩn thận.

³⁴ *Dobata* ở đây ám chỉ cho đấng thần linh tối cao trong tín ngưỡng Chăm.

Champa dưới thời vua Gia Long

46. *di ndey patao Ya ni Laong hu mbiak [mbiah],
Parik Panrang Kraong Pajai nyu ew abih, taom marai nyu
pahakak jiâ ma [meng jak, nyu rik ni jén klau tien,,*

Dưới thời vua Gia Long (1802-1820)³⁶, triều đình Huế buộc người Chăm Phan Rí, Phan Rang, Long Hương và Phú Hải phải đóng thuế bằng gạo lúa và ba tiền³⁷.

47. *patao pa-ndar ngap galeng mang di kal,
ngap [19] galeng hatak sai di grep nagar, ba padai hakak
abih sa baoh galang,,*

Vua Gia Long cho trùng tu lại những đồn lũy trong khắp đất nước, mái nhà có chái³⁸ như phong cách thời xưa, sau đó đem lúa gạo lưu trữ trong đồn lũy này.

Chính sách Minh Mệnh đối với dân tộc Chăm

48. *di ndey patao Ming ni Mang ngap pa-mbuak,
jia padai jang hakak, nyu ngap galang grep nagar,,*

³⁵ Đây là chính sách của vua Minh Mệnh nhằm vào mục tiêu trừng phạt những ai có hành động chống lại triều đình Huế. Xem QTCB (tr. 195), MMCY (II, tr. 147).

³⁶ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Ya Laong*, tiếng Việt “Gia Long”. Về lịch sử của vua Gia Long, xem QTCB, MLCBTN (I), DNTL, Maybon (1919), Gaultier (1935), Schreiner (I, II, 1900-1901).

³⁷ Tác phẩm 29 (1) ghi: *tien*, tiếng Việt “tiền”. Dưới thời nhà Nguyễn, 1 quan có giá trị 10 tiền và 1 tiền có giá trị 600 xu. Xem Nguyen Thanh Nha (1970, tr. 163).

³⁸ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *sai*, tiếng Việt « chái ».

Ariya Po Phaok

Dưới thời vua Minh Mệnh (1820-1841)³⁹, triều đình Huế tiếp tục áp dụng chính sách đóng thuế và xây dựng những đồn lũy khắp nơi.

49. *nyu pa-mbuak sa kawan [cawan] jia jaluk,
nyu ngap di Cam [20] drei pa sruk, nyu maok tabiak blaoh
nyu mbeng,,*

Minh Mệnh tăng thuế từ một tách thành một bác lúa, làm cho người Chăm ngao ngán phải bỏ tài sản của mình cho người Kinh.

50. *akaok Cam nyu rik jén sa urang sa kuan ni klau,
sa urang sa kuan lima, nyu pa-ndar ba tama, limah bi tel
dalam galang,,*

Triều đình Huế buộc mỗi người Chăm phải trả thuế 1 quan 3 tiền, đôi lúc 1 quan 5 tiền và phải đem tiền này nộp thẳng vào kho lũy.

51. *yah karang jén hanring jang o peng,
Yuen ataong pa-apan, panar [pa-ndar] ni nduec [21] duah bi
hu,,*

Chỉ cần thiếu một sâu tiền, triều đình Huế ra lệnh níu người Chăm để tra hỏi và buộc họ phải đi tìm cho bằng được số tiền này.

52. *kuna di Cei nao pathau tel Po,
Yuen ni hiap Cam lo, lihik abih tujuh palei,,*

³⁹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Ming Mang*, tiếng Việt “Minh Mệnh”. Liên quan đến lịch sử của vua Minh Mệnh, xem QTCB, MMCY, MLCBTN (1), DNTLCB, Trần Trọng Kim (1964).

Ariya Po Phaok

Xin Cei tâu lại với Po rằng trước sự hiệp đáp của triều đình Huế, người Chăm phải bỏ 7 làng⁴⁰ để đi lánh nạn nơi khác.

*53. Yuen paoh ataong ngap ni jiâ oh hu,
klak palei nduec tama, der dilam [dalam] Cru Raglai,,*

Triều đình Huế trừng phạt những người Chăm không trả thuế, buộc họ phải bỏ chạy đi ẩn náu ở làng Churu và Raglai.

*54. blaoh nyu mak kai ni taong ba mai,
baol Cam hô dep tama Cru Raglai, hô ciip hakak ala ka nyu,,*

Một khi quân chúng Chăm chạy sang ẩn náu với Churu và Raglai, Triều đình Huế bắt cai tổng Chăm phải trả thuế thay cho họ.

*55. kai taong hia ni thau jêh ka drei,
Cam ni nduec klak palei, nyu mak ni Cam pamasrai,,*

Cai tổng Chăm than khóc cho số phận của mình, vì triều đình Huế buộc họ phải đi vay mượn tiền để trả thuế thay cho người Chăm nào chạy trốn.

*56. yah oh ciip Yuen ni dan di pa-ndiak,
klau surei [harei] nyu tabiak, nyu paoh ataong nduec bi drah,,*

Nếu không có tiền trả, triều đình Huế bắt cai tổng Chăm phơi ngoài nắng trong 3 ngày sau đó tra tấn rồi thả cho về.

*57. kana di Cei [23] nao pathau Po hai,
nyu ngap di Cam kieng ka brai, calah anak di ina,,*

⁴⁰ CAM 30 (10) ghi lại 12 làng Chăm bị tiêu diệt vào năm 1835, đó là: Tang Plem, Hamu Klaok, Ca-ndah, Tal Yau, Baoh Masuh, Canah Tang, Baoh Manang, Jawum, Cahok, Bal Mâk, Ula Panrang, Aia Cak.

Xin Cei tâu với Po rằng chính sách của triều đình Huế nhắm vào mục tiêu làm cho xã hội Chăm tan nát, mẹ không còn gần gũi với con.

*58. di ndéy patao Ming ni Mang tagok rai,
nyu ngap harak brei mai, patak kayau saong papan ratus
rabuw,,*

Từ khi Minh Mệnh lên ngôi, triều đình Huế không ngừng buộc dân tộc Chăm phải nộp hàng ngàn khúc gỗ và ván.

*59. nyu tak blaoh nduec harak mai dihlau [dahlau],
nyu paok ni mak kabaw di yau, [24] ni klak hamu luey balluw
[baluw],,*

Một khi đã nộp gỗ rồi, người Kinh còn tịch thu cả đàn trâu của người Chăm, làm cho ruộng nương của họ trở thành đất đai bỏ hoang.

*60. anak Cam mbeng janing baoh kayau,
mabuk hawing oh thau kadrei, blaoh sa [si] krân hadiep
anak,,*

Vì thiếu lúa gạo, người Chăm phải ăn củ khoai rừng hoang, bị trúng độc choáng váng không còn biết vợ con mình là ai.

*61. anak Cam halun kasaot biak lo,
ka Yuen pa-ndar biak kho, lasei o [25] hu buh di tian,,*

Hết khổ đau vì nạn nghèo đói, không chén cơm để ăn qua ngày, người Chăm còn chịu thêm ách thống trị của người Kinh.

*62. kana di Cei nao pathau tel Po,
ra-mbi ra-mbâp biak lo, Yuén pa-ndar harei malam,*

Xin Cei tâu với Po rằng dân tộc Chăm là tập thể làm nô dịch cho người Kinh cả ngày lẫn đêm.

Dự án xây đập Hamu Baruw

*63. Patao Yuén pa-ndar pakuec rabaong,
pajiéng batau pa-ngap banâk, hamu baré [baruw] nyu pajiak
kieng kadrah,,*

Vua Minh Mệnh ra lệnh cho người Chăm đào mương dẫn thủy nhập điền, thúc giục người Chăm chở đá để xây dựng đập Hamu Baruw⁴¹.

*64. nyu paoh anak Cam dahlak lo mada,
pajieng batau bak jala, matai kabaw dalam rabaong,,*

Chính quyền người Kinh không ngừng ức hiếp người Chăm, buộc họ phải chuyên chở khối đá cả ngày cho đến khi trâu kéo xe của họ phải chết lụi trong mương nước.

*65. Yuen pa-ndar tak kayau ngap anraong,
buh batau di grep galaong, aia ni nduec [27] jang oh klaoh,,*

Chính quyền người Kinh ra lệnh cho người Chăm chặt gỗ làm cái lồng bỏ đá vào để ngăn chặn nước ở đập đang xây dựng.

*66. bek oh klaoh nyu mak ni mai nyu ataong,
aia ni nduec grep galaong, pa-ndar ni bek kieng ka klaoh,,*

Chính quyền người Kinh buộc người Chăm phải làm thế nào ngăn chặn cho bằng được nước sông đập, nếu không họ ra tay trừng trị.

⁴¹ Theo E. Aymonier (1885a, tr. 22), đập Hamu Baruw nằm giữa thôn Ca Bangu và Ragaok ở Phan Rí.

Ariya Po Phaok

67. *Yuen mak Cam ataong paraong paraih,
ngap sibar kieng lagaih, bek ni aia kieng hu,,*

Chính quyền người Kinh hành hạ người Chăm quá đáng đến
rồi họ không biết phải làm thế nào để ngăn chặn nước ở bờ
đập.

68. *balan sa grâm manyi aia mai,
talah banâk brai rai, nduec ni jéng kraong riya,,*

Tháng giêng sấm sét gầm lên báo tin cho mưa lũ về, cuốn trôi
cả đập để rồi nước chảy thành sông ngòi⁴².

69. *Anuw Wa si wang ni gruk suak yawa,
mang pagé tel jala, daok sanang dom di ruow,,*

Anau Wa⁴³ ngồi ngẫm nghĩ từ sáng đến trưa, càng nghĩ càng
thêm rầu rĩ⁴⁴ không biết phải xử lý như thế nào.

⁴² Trong quá trình lịch sử, dân tộc Chăm chuyên về nghề xây dựng đập
nước và hệ thống dẫn thủy nhập điền. Đập Hamu Baruw đã từng xây
dựng dưới thời Po Klan Thu (1822-1828), nhưng không thành, vì lũ
nước của sông quá mạnh, phá vỡ cả bờ đê của đập. Nhưng không biết
tại sao triều đình Huế buộc người Chăm phải thực hiện cho bằng được
dự án này?

Liên quan đến kỹ thuật dẫn thủy nhập điền ở Champa, xem CAM 79
(2), Phan Lạc Tuyên (1978, tr. 3-42), Vũ Lang Nguyễn Khắc Ngữ
(1957, tr. 1045).

⁴³ Trước năm 1975, mương đập là hệ thống dẫn thủy nhập điền có một qui
chế riêng biệt nằm trong luật tục nhằm phân phát nước cho từng đám
ruộng của người Chăm. Kể từ đó, mỗi đập nước đều có một chủ nhiệm
gọi là Ông Banâk (cai đập) có trách nhiệm đứng ra tổ chức các tế lễ, tu
bổ mương đập và đưa ra lịch trình để phân phát nước đồng đều cho chủ
nhân của ruộng đất.

Tác phẩm 29 (1) ghi *Anuw Wa*. Có chăng đây là tên của ông Cai Đập?

⁴⁴ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *ruow*, tiếng Việt “rầu”.

Ariya Po Phaok

70. *anak Cam sa palei dak thau,
pieh pa-ndar phak batau, di dalam babah [pabah] rabaong,,*

Người Chăm không phân biệt thôn xóm, phải có nghĩa vụ đục đá để làm bờ đê cho sông ngòi.

71. *Yuen pa-ndar phak batau nan paraong,
sa balan sa ka-ndaom, Yuen pa-ndar blaoh ataong, harei
malam dom di hia,,*

Chính quyền người Kinh ra lệnh cho dân tộc Chăm phải đục tảng đá cho mòn, dù cả tháng chỉ lấy được một bụm tay đi nữa. Nếu không họ sẽ trừng trị người Chăm.

72. *grâm mai di balan sa dua,
po [pok] ni sep suak yawa, ni klak hamu Cam abih,,*

Tháng giêng tháng hai, trời gằm mưa lũ quay về, nhưng người Chăm chỉ biết ngồi than thở vì họ không có thời gian để cày cấy nuôi thân,

73. *Yuen pa-ndar ngap [30] banâk wek ka,
Cam halun aek lapa, brah padai o hu sa [si] mbeng,,*

Chính quyền người Kinh buộc người Chăm phải xây mương đập cho xong, không cần nghĩ đến người Chăm đang đói rét, không có gạo lúa để ăn.

74. *tuk sa cang nyu ndih peng jua,
krâh malam blaoh ba, grep palei dep abih,,*

Chờ người Kinh ngủ ngon vào canh một ban đêm, người Chăm rủ nhau cả thôn để chạy trốn.

75. *nyu wang mak abih grep palei,
caok ni hia lakei kamei, klak ni sang dep majua,,*

Thế là chính quyền người Kinh lùng bắt người Chăm trong khắp thôn xóm, càng làm cho người Chăm bỏ hoang nhà cửa để đi tìm nơi khác nương tựa.

*76. hadiep [31] anak hia ni caok suak yawa,
banâk ni krung ra taha, oh sei urang kieng ngap jiéng,,*

Vợ con người Chăm than khóc, vì những chuyên gia Chăm thời trước đã có công trình xây đập Hamu Baruw này, nhưng không thành.

*77. mang di ndey Po Klan ni Thu ngap oh jai,
pajum ni mak Cru Raglai, Cam dahlak ratuh rabuw,,*

Vì rằng, quốc vương Po Klan Thu (1822-1828) đã điều động hàng ngàn người Chăm, Churu và Raglai để xây dựng đập này, nhưng không đạt được kết quả.

*78. Klan ni Thu wang ni gruk [32] kaik canuw,
aia ni sua tuk klau, talah banâk thek kayau, nao abih tama tasik,,*

Po Klan Thu ngồi cắn móng tay để suy nghĩ tại sao khi mưa lũ về, đập Hamu Baruw bị phá vỡ, nước cuốn cả cây cối trôi về phía biển đông.

*79. Klan Thu ew ni Cru saong Raglai,
phat sara brah padai, nyu tiap tagok cek abih,,*

Không thực hiện nổi dự án, Po Klan Thu chỉ còn cách là phát lương thực cho Churu và Raglai để họ trở về nhà làm ăn.

Tham gia chương trình đóng tàu bè

80. mada surak mang patao brei mai,

Ariya Po Phaok

nyu pa-ngap [33] ahaok galai, nyu mak ni Cam tak tamaih di cek kalaong,,

Hết công trình xây nương đập, Vua Minh Mệnh lại ra lệnh yêu cầu người Chăm phải đi đốn gỗ “*tamaih*”⁴⁵ ở núi Kalaong để đóng tàu bè.

*81. tak blaoh nyu mak pahua gan kraong,
nyu mak ni Ca [Cam] blaoh ataong, si bar oh hua trun bi drah,,*

Khi chặt xong, người Chăm phải kéo cả khúc gỗ qua sông. Nếu không làm cho nhanh, chính quyền người Kinh ra lệnh trừng trị họ.

*82. hua libuh takaprah prah karan plak [plek] likuk,
nyu paoh ataong tui kaduk, Cam halun [34] biak ra-mbah,,*

Kéo không nổi, người Chăm té lên té xuống trong khi đó chính quyền người Kinh cầm roi đánh theo sau lưng⁴⁶, thật là tội nghiệp cho dân tộc này.

*83. Yuen pa hua krâh harei brok dayep,
kuk akaok blaoh hatep, ka Yuen pander prew ha-ew,,*

Chính quyền người Kinh buộc Chăm phải kéo gỗ từ sáng đến chiều. Người Chăm chỉ biết cúi đầu qui phục và nghe những lời chửi mắng.

*84. batuh [patuh] tangin hiak ni sep puec o truh,
anak Cam halun danuh, dues ni sak ka Yuen pa-nder,,*

⁴⁵ *Tamaih* là thuật ngữ ám chỉ cho cây cột hạng nhì trong kỹ thuật kiến trúc Chăm.

⁴⁶ Tác phẩm 29 (1) ghi: *takaprah karan* ?. Thuật ngữ *karan* chưa lần nào xuất hiện trong văn chương Chăm.

Ariya Po Phaok

Làm nô dịch phòng cả bàn tay, ran cổ họng, những người Chăm mang tội lỗi gì để cho người Kinh cai trị ?

85. *kana di Cei nao pathau bi tel Po,
Yuen [35] pander biak lo, halei nagar Cam kieng nao,,*

Xin Cei tâu với Po rằng chính quyền người Kinh thẳng tay ức hiếp, để rồi người Chăm không biết tìm nơi đâu để nương tựa,

Chế độ nô dịch quá đáng

86. *patao Yuen pa-nduec harak mai pa-nder,
ni mak Cam Parik Panrang Kraong Pajai, pataom ni gep ba
mai palei Parik pak galeng,,*

Vua Minh Mệnh ra lệnh người cho Chăm Phan Rí, Phan Rang, Long Hương và Phú Hải phải tập trung tại kho đồn lũy ở Phan Rí.

87. *hadiap anak hia ni caok biak seng,
pataom abih pak galang, nyu ngap [36] ni mak ling pasram,,*

Vợ con người Chăm bắt đầu than khóc vì thành viên gia đình của họ bị triệu tập tại kho đồn lũy để huấn luyện quân sự⁴⁷Tá.

88. *Yuen pasram riim ni thun riim bulan,
hadiap anak daok di sang, aek lapa klaoh tian, oh thau hapak
kieng duah ni mbeng,,*

Chính quyền người Kinh huấn luyện Chăm từ tháng này qua tháng khác. Ở nhà vợ con đói khát không có gì để nuôi thân.

⁴⁷ Tác phẩm 29 (1) ghi: *ling*, tiếng Việt “lĩnh”.

Ariya Po Phaok

*89. kana di Po nao pathau blaoh akhan,
nyu luai ni Cam patak papan, nyu rik ni jén wek sa urang,
tjjuh [37] kuen dua tian tien,,*

Xin tâu với Po rằng chính quyền người Kinh bỏ nô dịch nộp
gỗ ván để thế vào đó qui chế thuế má buộc mỗi người Chăm
phải đóng 7 quan 2 tiền⁴⁸

*90. nyu rik di Cam riim ni thun riim balan,
kana di Cei nao akhan, ra-mbah ra-mbâp Cam dahlak,,*

Chính quyền người Kinh yêu cầu Chăm đóng thuế suốt năm
tháng. Xin Cei trình lên Po về sự thống khổ của dân tộc này

*91. Yuen patak njuh ni tapa-am [pa-am] akiak,
kasaot pa-ndap Cam baik, ni mbeng janing saong habe,,*

Chính quyền người Kinh buộc người Chăm phải nộp củi để
đốt lò gạch, làm cho người Chăm đói rách, phải chịu ăn khoai
rừng và khoai lang.

*92. Po ni Cei nao aiép di [38] grep nagar,
sang ni Cam dahlak ni sei, oh mboh sa baoh sang akiak,,*

Cei và Po đi khắp xứ sở để xem có nhà người Chăm nào có
mái lợp ngói.

*93. nagar Cam halun kathaot praong biak,
sang hatak mang agak, haluh ni maong mboh sa [si] gleng,,*

Quê hương Chăm đói khổ, nhà lợp bằng tranh lũng lổ mà ai
cũng thấy như vậy.

⁴⁸ Tác phẩm 29 (1) ghi: *tian tien*, hai từ có nghĩa như nhau.

Ariya Po Phaok

94. *Po saong Cei mai Panrang sa [si] tel Parik,
kalabak rah tathik, sang Cam dahlak hapak,, [39]*

Đi dọc theo bãi bể từ Phan Rang cho đến Phan Rí, Cei và Po có thấy người Chăm nào ở gần bờ biển đông⁴⁹?

95. *tanah siam hamu ni dhaong Yuen mak ka nyu,
dom hamu tanah hamu kanu, jaw ni wek ka Cam dahlak,,*

Người Kinh chiếm trọn những ruộng đất phì nhiêu có hệ thống dẫn thủy nhập điền chỉ để lại cho người Chăm những đất khô cằn.

96. *Yuen i thaik ni nyu lac ni nyu hu patao,
Cam halun biak hagaw, po ganuer jeng oh mbéh,,*

Người Kinh ý thế⁵⁰ là dân tộc có vua chúa, còn dân tộc Chăm là tập thể không may mắn vì quan lại cũng không còn.

Chính sách bóc lột Churu và Raglai

97. *mang di kal liwik Cam dahlak mbeng kleng [40] biak,
seng patao pa-ngap jé [jieng] galang, nyu mak ni kleng jaw
ka Yuen, ni Cru Raglai nyu mak abih di drei,,*

Xưa kia, người Chăm hưởng qui chế bổng lộc bằng gạo lúa⁵¹. Triều đình Huế trưng dụng hết gạo lúa này để đem vào kho

⁴⁹ Trong cuộc khởi nghĩa của Katip Sumat (1833-1834) và Ja Thak Wa (1834-1835), Minh Mệnh ra lệnh đốt tất cả làng Chăm gần bờ biển và ngăn cấm họ sinh sống trong khu vực này.

⁵⁰ Tác phẩm Cam 29 (1) ghi: *i thaik*, tiếng Việt “ý thế”.

⁵¹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *kleng*, tiếng Việt “thường”.

Trong quá trình lịch sử, sở hữu đất đai của Champa chia thành nhiều loại. Đất đai chung của nhà nước, đất đai của tư nhân, đất đai thuộc thôn làng, đất đai của đền tháp và thánh đường, đất đai dành cho các bậc tu sĩ, v.v.

Ariya Po Phaok

rồi phân phát cho người Kinh mà còn bắt cả Churu và Raglai làm nô lệ nữa.

98. *Cam dahlak ndik ni cek blei kabaw,
nyu mbeng jén dak takai, sa ni drei sa pluh kuan,,*

Mỗi lần gười Chăm lên khu vực miền núi để mua trâu, thì họ phải trả thuế mỗi con 10 quan,

99. *nyu pakep anak ni Cam di riim surei,
tagok ni [41] cek blei basei, thra [sa] la-ua [la-ua] jeng oh
brei,,*

nhưng người Chăm không được phép lên khu vực này để mua sắt⁵² dù chỉ một bó⁵³ đi nữa,

100. *nyu pakep Cru Raglai ngaok cek,
há mboh ni Cam ngaok cek, há mak bi hu ba ka kau,,*

vì triều đình Huế đã ra lệnh cho dân tộc Raglai phải bắt những người Chăm nào lên miền núi mua sắt để đem nộp cho chính quyền.

101. *Yuen nyu ndik ni cek blei kabaw pabuei ratuh rabuw,*

Mỗi làng có đất đai chung để phân phát cho những gia đình nghèo khó hay cho những ai có công phục vụ cho làng này. Chính đó là qui chế “thường bổng lộc” mà tác phẩm CM 29 (1) nêu ra.

⁵² Vào thời điểm đó, phong trào Ja Thak Wa và Lê Văn Khôi vẫn chưa dập tắt. Chính đó là nguyên nhân giải thích tại sao vua Minh Mệnh cấm người Chăm lên miền núi để mua sắt, có thể dùng vào mục tiêu chế tạo vũ khí để chống lại triều đình Huế.

Liên quan đến cuộc vùng dậy của Ja Thak Wa, xem CM 24 (5), CAM 30 (10), CAM 30 (17), CAM MICROFILM 66 (2), CM 32 (6), CAM 167 (6), CAM 198 (1).

⁵³ *La-ua* phát xuất từ gốc từ *ndua* “đội trên đầu”, ám chỉ một bó đội trên đầu.

Ariya Po Phaok

klaoh ni yaom nyu thau, puec ka Yuen sa baoh panuec,,

Người Kinh lên miền núi để mua hàng trăm hàng ngàn con heo và trâu, nhưng người Raglai không giám lên tiếng để phản đối.

*102. Yuen [42] tagok thau di Cru bala basan,
mbeng di Cru di riim pakar, pabuei kabaw tiap ka nyu,,*

Người Kinh lên miền núi ăn dầm dề cơm nước của người Churu để thu⁵⁴ ngà voi, sừng tê giác; mua cả trâu heo và còn buộc họ phải mang đến tận nhà.

*103. kana di Cei nao pathau tel Po,
brah padai nyu mbeng lo, guuy ni trun ba ka nyu,,*

Xin Cei tâu Po rằng người Kinh ăn hết cơm gạo, nhưng còn đòi dân tộc miền núi phải mang xuống đồng bằng cho họ.

*104. nyu ngap hiep Cam ni saong Cru biak lo,
nyu lac nagar oh hu Po, mbéng [43] paraong mbeng paraih,,*

Người Kinh hiếp đáp Chăm và Churu quá nhiều, chế nhạo họ là dân tộc không có vua chúa, nên người Kinh phải tàn phá gia sản của họ tối đa.

*105. nyu ngap di Cru pablei anak saong hadiap tan wan,
nyu thau ni jia bala basan, nyu nduec tama Kahaow Banaow,,*

Người Kinh làm cho Churu phải bán cả vợ con gậy bao tan tóc⁵⁵ trong gia đình. Hết thu thuế ngà voi, sừng tê giác của

⁵⁴ Tác phẩm 29 (1) ghi: *thau*, tiếng Việt “thu”.

⁵⁵ Tác phẩm 29 (1) ghi: *tan wan*, tiếng Việt “tan vang”.

Ariya Po Phaok

người Churu, người Kinh bắt đầu vào vùng người Kaho ở Banaow⁵⁶.

106. *sa mbaik bala sa mbaik basan,
sa urang halun nyu ngap sa cakun [cakan], Cru Raglai dep
[44] abih,,*

Người Kinh buộc mỗi gia đình phải nộp một ngà voi, một sù tê giác và một người nô lệ. Chỉ cần thực hiện một chuyến⁵⁷ như vậy đủ để người Churu và Raglai trốn hết vào rừng.

107. *Yuen pa-nder thau bala basan hua mai,
ra-mbah ra-mbâp Cru Raglai, calah caluen nao abih,,*

Người Kinh ra lệnh cho Churu và Raglai phải nộp ngà voi và sừng tê giác, gây ra cho họ bao khổn đôn.

108. *klau ndey patao ni Yuen biak mbul,
nyu mak Cam saong Cru jéng halun, klaoh cu gi masluh
[masruh] lima pluh pak thun ma ni,,*

Ba đời vua người Kinh thật là khôn khéo⁵⁸. Họ bắt người Chăm và Churu làm lính xung phong vào chiến trường, đúng một chu kỳ⁵⁹ là 54 năm⁶⁰.

⁵⁶ Banaow là tên địa danh mà văn chương Chăm không nêu rõ vị trí nằm ở đâu.

⁵⁷ Tác phẩm 29 (1) ghi: *cakan*, từ không có trong văn chương Chăm.

⁵⁸ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *mbul* “thật sự”. Trong tác phẩm *Sah Sakei* (câu 68) có đoạn: *urang gheh mbul sa drei Ja San Wa* “người khéo léo nhất là Ja San Wa ».

⁵⁹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *cu gi*, tiếng Việt “chu kỳ”.

⁶⁰ Ba đời vua ở đây có thể là Quang Trung (1788-1792), Gia Long (1802-1820), Minh Mệnh (1820-1841). Nếu chu kỳ này tính từ vua Quang Trung là 54 năm thì tác phẩm này có thể viết vào năm 1842, dưới thời vua Thiệu Trị (1841-1847).

Ariya Po Phaok

Chương trình xây dựng cung đình Huế

109. *mang dihlau Ya ni Laong tagok [45] rai,
jiéng patao nyu ngap surak brei nao, di grep nagar jéng nyu
thau,,*

Khi Gia Long lên ngôi, Ngài ra lệnh cho toàn thể quần chúng Chăm trong nước

110. *blaoh nyu ngap kai ni nduey ganuer jang patak kayau,
kraong [kaong] yau ratus rabuw, klau ni thun klau balan, pa-
ngap galang patao Yuen,, [46]*

kể cả quan Cai Đội, tập trung hàng ngàn người phải làm nô dịch đi tìm gỗ để xây dựng cung đình của Gia Long ở Huế trong vòng 4 năm và 3 tháng trường.

111. *tak blaoh pa-nduec harak mai,
cang nyu mak Basaih ngan Car [Acar], paniip [patrip]
radaih saong kubaw,,*

Chặt cây xong, người ta chờ *Baisaih* và *Acar* làm lễ giỗ xe trâu và con trâu.

112. *patao Yuen pa-nder ngap radaih klau ratus thruh,
pajéng kayau pa-abih, pahacih mai mang glai,,*

Vua Gia Long yêu cầu làm 300 chiếc xe trâu⁶¹ để chở những gỗ đưa vào kho đôn lữ.

⁶¹ Dân tộc Chăm nổi tiếng chế tạo xe trâu có bánh bằng gỗ nhưng rất kiên cố. Đây là một nền kỹ nghệ đặc biệt chỉ tìm thấy ở Champa. Theo A. Cabaton (1907, tr. 133), xe trâu đã từng sử dụng làm quà tặng trong ngày đám cưới giữa công chúa Champa là Daravati và vua Majapahit của quốc gia Mã Lai Đa Đảo vào thế kỷ thứ IV. Và xe trâu này nhận cả chức phong của Mã Lai: *Kiat Jebat Tetris*.

Ariya Po Phaok

*113. matâh jalan jaoh [47] radaih matai kubaw,
nyu brei harak wek mai, nyu mak anak Cam dahlak,,*

Một khi xe trâu bị gãy và con trâu bị chết giữa đường, triều đình Huế ra lệnh bắt người Chăm trị tội.

*114. Yuen pajum radaih kabaw daok di sang,
gam manues [manuis] gam urang, labaih sa drei ong taha,,*

Triều đình Huế trưng dụng cả xe trâu của tư nhân và cả chủ nhà để làm nô dịch chỉ chừa lại nhữn ông già để giữ tư gia.

*115. hadiep anak lakei kumei caok hia,
dalam nagar [48] halun majua, oh hapak labik kieng payau,,*

Vợ con, trai gái người Chăm than khóc vì xứ sở vắng bóng, không thể so sánh với quốc gia nào,

Lời tâm sự của tác giả

*116. kuna di Cei nao akhan blaoh bican,
anak ni Cam halun hal, maong akaok Po marai,,*

Xin Cei cho biết dân tộc Chăm rất nóng lòng, đang mong chờ Po trở về để giúp đỡ họ.

*117. aey Po Cei anit Cam hai,
ra-mbah ra-mbâp dep di glai, hadiap anak oh mboh mata,*

Xin Cei và Po thương hại cho người Chăm, vì quá khổ cực nên trốn thoát vô núi rừng để rồi vợ con phải đợi chờ.

*118. Cam halun o pagom tra ka drei,
sa [si] mboh nagar saong palei, suk di kal yua Po,,*

Ariya Po Phaok

Nếu người Chăm không còn cơ hội⁶² để thấy lại vương quốc của họ, thì tội lỗi này cũng do Po gây ra một phần nào.

*119. sanit ginreh Po samu Dobata,
nao pathau pak aia, nagar ni Cam halun lahik,,*

Po có tài phép như đấng Dobata nên cho 4 quốc gia⁶³ biết về sự tan nát của vương quốc Champa.

*120. Po nao mang pur tel pai,
di grep ni cek tapa glai, ra-mbah ra-mbâp [50] Po su Cei,,*

Po và Cei đi từ phía đông cho đến phía tây, băng qua núi rừng thật là tội nghiệp cho hai Ngài.

*121. Po kalibak mang ni cek tel tathik,
Po ni deh di Parik, Cam halun aen tabuen,*

Nghe tin Po băng rừng núi đến miền duyên hải, rồi Ngài dừng chân ở Phan Rí, dân tộc Chăm lấy làm vui mừng hơn hở.

*122. kuk akaok hia sanang huec di Yuen,
mboh nyu puec ruen patuen, ka-nda nyu mak Cam ataong,,*

Cũng vì quá sợ người Kinh, dân tộc Chăm chỉ biết cúi đầu than thở. Chỉ nghe người Kinh nói chuyện ồn ào, người Chăm khiếp vía vì sợ bị bắt để truy tội.

⁶² Tác phẩm ghi: *pagom*, từ không có trong văn chương Chăm. Chúng tôi tạm dịch “cơ hội”.

⁶³ Không biết 4 quốc gia ở đây ám chỉ cho vương quốc nào. Ngược lại, trong tác phẩm *Ar Bangu* (thuật ngữ đẹp) như CAM 164 (7), CAM 142 (2), CAM 151 (22) thường nhắc đến đến 4 quốc gia, đó là Champa, Laow (Trung Hoa), Siam (Thai Lan) và Yuen (Việt Nam). Nhưng điều khó hiểu tại sao có Việt Nam trong danh sách này?

Ariya Po Phaok

123. *Cam halun huec sanang grep [51] galaong,
ka-nda ka nyu mak paoh ataong, lac dahlak tapak su Po,,*

Người Chăm phải suy nghĩ đủ điều, lúc nào cũng lo âu vì sợ bị bắt để hạch hỏi về tội trung thành với Po.

124. *Po Cei ngap ni sang daok karei,
anak ni Cam lakei kumei, thot [that] biyak khuai limah,,*

Nếu Po và Cei xây dựng dinh thự ở riêng. Người Chăm trai gái xin qui lạy để phục dịch cho hai Ngài.

125. *Po ni Cei juai ni cap anak gala,
Po ni mai sa mbeng tra, [52] likei kumei jang hilal [halar],,*

Po và Cei không nên cô chấp⁶⁴ người Chăm khờ dại. Nếu Po trở lại một lần nữa, trai gái Chăm đều cố gắng phục vụ cho Ngài.

126. *Po tiap Cei nao ra-mbi ra-mbâp sa drei,
Cam halei oh brei, lasei aia nyu oh brei manyum,,*

Po ra lệnh cho Cei ra đi một mình thật tội nghiệp, vì người Chăm không dâng cho Cei chén cơm để ăn, nước để uống⁶⁵.

127. *Po su Cei puji ni maong di hatai,
matâh ni Cam matâh Raglai, ni Cei sanang caik di tian,,*

Po và Cei rất cảm thông cho hoàn cảnh đất nước bị chia đôi, một nửa người Chăm một nửa người Raglai.

128. *kana di Cei nao pathau that tiak,*

⁶⁴ Tác phẩm ghi: *cap*, tiếng Việt “chấp”.

⁶⁵ Câu này rất tối nghĩa, vì không biết tại sao người Chăm có hành động đối xử quá tồi tệ đối với phó vương Champa.

Ariya Po Phaok

ka [53] anak Cam dahlak, khin nao hapak jang oh truh,,

Xin Cei nên cho người ta biết thật sự về người Chăm muốn đi lánh nạn ở đâu, nhưng không tìm ra giải pháp.

*129. kana di Cei nao pathau pak aia,
ka anak Cam gila, Yuen mak abih ngap halun,,*

Xin Cei nên cho 4 quốc gia biết rằng dân tộc Chăm quá khờ dại để rồi người Kinh biến họ thành người nô lệ.

*130. kana di Cei nao pathau pak aia,
tanah patao bhodara [bhodaraha], Yuen ni tiap mak abih,,*

Xin Cei nên cho 4 quốc gia biết rằng người Kinh chiếm trọn đất đai của vua chúa Champa⁶⁶

Cầu nguyện Đấng Allah ban niềm tin

*131. tanah patao mang [54] ni pur tel pai,
Nosarawan ni biai, saong ni huer Darjimah,,*

Nosarawan⁶⁷ nói với nhà tiên Darjimah⁶⁸ rằng đất đai của vua chúa Champa chạy dài từ đông sang tây,

132. kami halun jéng patao apan nagar,

⁶⁶ Tác phẩm CM 19 (1) ghi: *Bhodaraha*, thuật ngữ để ám chỉ cho tên gọi của vua chúa.

Trong quá trình lịch sử, quốc vương Champa là người làm chủ trên lãnh thổ của vương quốc và mang chức phong *Po Tana Raya*, tức “Ngài chủ nhân của đất đai”. Xem G. Maspero (1928).

⁶⁷ *Nosarawan* (tiếng Ba Tư: *Nusirwan*) là hoàng đế của vương quốc Ba Tư (531-579). Trong văn chương Chăm, *Nagar Nosarawan* thường ám chỉ cho vương quốc Champa. Xem E. Duarand (1907, tr. 321).

⁶⁸ Cho đến hôm nay, văn chương Chăm không nói rõ về lai lịch của nhà tiên tri Darjimah

Ariya Po Phaok

Aluah Tala ni patel, apan tangin tanang urang,,

“Vào thời buổi tôi là người cai trị vương quốc này, Allah Tala yêu cầu tôi phải sống ôn hòa với nước láng giềng”

*133. ew huer Darjimah marai bican,
kami ni jéng patao [55] apan nagar, sibar ni mai suk [chuk]
ya ni,,*

Nosarawan hỏi nhà tiên tri Darjimah “tôi là người lãnh đạo quốc gia, vì vấn đề gì mà tôi đã vấp phải bao sai lầm như thế?”

*134. huer gleng dalam tapuk sakirai [sakarai],
patao po bia trun di rai, madhir riya jaw ka sei,,*

Sau khi mở sách *Sakarai*⁶⁹ ra xem, nhà tiên tri Darjimah hỏi Nosarawan rằng sau ngày từ ngôi, Ngài và hoàng hậu giao dinh thự và ngai vàng cho ai?”

*135. madhir riya Aluah Tala ngap pa-mbiah,
patao ni nao sur [suer] makhah [makah], ndua ni dat [56]
pak Nabi,,*

Vì rằng dinh thự và ngai vàng do Đấng Allah xây dựng⁷⁰, thành ra Ngài phải đến thiên đường Mecca⁷¹ để học hỏi thêm giáo lý của Đức Giáo Chủ.

⁶⁹ *Sakarai* (Phạn ngữ: *Sakaraja*) có nghĩa là “niên đại vua chúa”. Trong văn chương Chăm, *sakarai* ám chỉ cho “lịch sử, triết lý, sách tử vi”.

⁷⁰ Câu “dinh thự và ngai vàng do Đấng Allah xây dựng” ám chỉ Champa thời đó đã chịu ảnh hưởng nặng nề của nền văn minh Hồi Giáo, gia nhập vào vương quốc này kể từ thế kỷ thứ XVI.

⁷¹ Trong văn chương Chăm có hai thuật ngữ *Makah*. 1). *Makah Danah* ám chỉ cho Mecca và Medina ở Saudi, nơi thánh địa thiêng liêng của Hồi Giáo mà không ai có thể đến đó, vì quá xa. Kể từ đó, người Chăm có thành ngữ: *nao makah nao danah* “đi Mecca, đi Medina”, tức là ra đi

136. *huer Darjamah tuei patao,
Nosarawan nao, matuei sa jalan taom ni gep pak Mekah,,*

Sau cuộc đàm thoại này, Nosarawan và Darjimah cùng nhau sang thánh địa Mecca.

137. *dua urang nao ra-mbi saong ra-mbah,
njap jalan adhua atah, sa bulan biruw mang truh,,*

Trên đường đi, hai người gặp bao khó khăn bởi vì đường xá xa xôi, phải đi trong vòng một tháng mới đến thánh địa.

138. *Nosarawan atak ni kal blaoh tadhuw,
pok tangin [57] samok lakau, halun ni tok mboh mata,,*

Vừa mới đạp chân lên đất thánh địa, Nosarawan chấp tay cầu nguyện⁷² cho Đấng biết về sự có mặt của Ngài.

139. *patao Nosarawan khuai di mbeng [ba-mbeng] blaoh hia,
hec ni Po Ramada, halun marai tuei tapak, thot [that] biyak
Po Nabi,,*

Vua Nosarawan quỳ lạy trước cửa thánh đường than thở: “O Ngài đặc sứ⁷³, con thật tình đến đây chỉ nhằm xin phục dịch Po Nabi (Thiên Sứ)”.

140. *patao Nosarawan pok ni sep tapah sari,*

biệt tích không có ngày trở về. 2). *Makah*, ám chỉ cho thánh địa Hội Giáo ở tiểu vương quốc Kelantan (Mã Lai), nơi mà Po Rome (1627-1651) đã từng sang du học. Hôm nay người Mã còn gọi là *Serembi Makah* “mái hiên của thánh địa Mecca”.

⁷² Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *samok*, thuật ngữ không có trong văn chương Chăm.

⁷³ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *ramada*, thuật ngữ ám chỉ cho “người giàu có, quan lớn, đặc sứ”.

Ariya Po Phaok

lac halun ni iniai di Po Nabi, sa baoh nagar [58] halun ciep danuh,,

Vua Nosarawan lên tiếng xin chừa và nói rằng “con đã làm phật lòng Ngài Thiên Sứ, con xin nhận mọi lỗi lầm trước thần dân của vương quốc này”.

*141. halun suk (chuk) dues ni sak dua urang,
lakau ni peh mbeng [ba-mbeng] jang, adei sa-ai halun tama,,*

Con và Darjimah xin nhận mọi lỗi lầm. Xin Ngài Thiên Sứ mở cửa để hai đứa con vào thánh đường

*142. Po ew Bar Patri dalam sang,
tabiak ni peh mbeng [ba-meng] jang, ka patao tama marai,,*

Thiên Sứ sai Bar Patri⁷⁴ mở cổng thánh đường để vua Nosarawan vào.

*143. Nosarawan talabat blaoh bican,
Po anit ngap dhar, brei halun lakau [59] pujo [puji] pak takai Nabi,,*

Nosarawan qui lạy rồi thưa: Xin Ngài Thiên Sứ làm phước, con xin kính cẩn⁷⁵ trước bàn chân của Ngài.

*144. Po ew Bar Patri pok tabiak,
mboh kamar dreh sa pak, patao pok ndua di ngaok akaok,,*

Thiên Sứ sai Bar Patri ẵm đứa bé vừa mới ra đời có hình dáng giống thật Nosarawan. Sau đó, Nosarawan nâng niu đứa bé trên đầu.

⁷⁴ Văn chương Chăm không cho biết lai lịch của nhân vật *Bar Patri*.

⁷⁵ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *puji* (Phạn ngữ: *puja*) có nghĩa “tôn thờ, kính cẩn”.

145. *patao léh [leh] trun huer pa-ndok ndua,
ni gam halun ni suk [sup] maklam dulam [dalam], lakau
ndua ngaok akaok,, [60]*

Nosarawan vừa hết bông đũa bé là tới phiên nhà tiên tri Darjimah. Hai người thay nhau bông suốt đêm và xin đội đũa bé trên đầu.

146. *tadhuw sanit ginreh su Po Dobuta [Dobata],
siam halun hadah mata, huer ni thampurrana⁷⁶,,*

Xin cảm tạ Po Dobata, Đấng thần thông đã giúp con thấy ánh sáng của sự thật và giúp nhà tiên tri Darjimah tìm được sự hoàn hảo.

147. *daok tanan taom ni thun wek mai,
baol nga bhap jang brai, madhir riya jang majua,,*

Sau một năm lưu lại ở Mecca, Nosarawan trở về xứ sở trong khi đó dân chúng đang lâm vào bối cảnh tang hoang và dinh thự vua chúa Champa vắng bóng người.

Mong ngày trở về của quốc vương

148. *kana di Cei nao pathau pak aia,
nyu mboh ya [yau] nan [61] nyu oh ka-nda, kieng mak nagar
Cam ka nyu,,*

Xin Cei trình lại với 4 quốc gia rằng người Kinh chẳng sợ ai cả và quyết tâm xâm chiếm cho bằng được vương quốc Champa

⁷⁶ *Thampurrana* (Phạn ngữ: *sampurana*) có nghĩa “hoàn hảo, chân chính, tốt đẹp”.

Ariya Po Phaok

*149. Po kalibak tijuh ni thun di grep nagar,
Po ni ndih jang oh wer, anit anak Cam su Cru.,*

Trong suốt 7 năm⁷⁷ bôn ba trên khắp sứ sở, Po ngủ không yên vì quá thương xót cho thân phận người Chăm và Churu.

*150. Po ndih sa malam sa tuk,
Po tagok wang gruk, daok sanang dalam hatai.,*

Mỗi đêm Po chỉ ngủ một canh. Khi thức dậy, Po ngồi xo ro để suy nghĩ.

*151. Po nao sanang wek kieng [62] ka drah,
nda ka anak Cam ra-mbah, Yuen pander tuei likuk.,*

Po ao ước được trở lại quê hương càng sớm càng tốt, vì quá lo âu cho dân tộc Chăm thống khổ bị người Kinh năm đầu.

*152. Po su Cei nao Cam halun biak ka-uk,
nda nyu mak tuei likuk, Po ni nao truh palei.,*

Po và Cei ra đi, dân tộc Chăm vô cùng lo âu, cứ e sợ bị người Kinh trừng phạt theo sau trong lúc Po không còn ở Champa nữa.

*153. hia ka Po saong lima urang Cei,
ra-mbi ra-mbâp di grep palei, lasei o hu buh di [63] tian.,*

Người Chăm không ngừng nghĩ đến Po và 5 vị hoàng tử⁷⁸, chịu khốn khổ trong cuộc hành trình để rồi không có hạt cơm để ăn no bụng.

⁷⁷ Bảy năm ở đây ám chỉ cho Po Phaok The lên ngôi năm 1828 và bị từ hình vào năm 1835.

Ariya Po Phaok

*154. Po su Cei ra-mbah ra-mbâp sa jalan,
nao sa drei riim pakal [pakar], sudiap anak jang oh thau,,*

Po và Cei thật khổ nhưng chung vai sát cánh trên đường, hai người ly hương quên cả vợ con.

*155. ain [auen] ka Cei lac kieng wek nao palei,
oh hu hagait kieng brei, payua panuec ngan kadha,,*

Xin mừng cho Cei muốn trở về xứ sở. Chúng tôi không có gì để trao tặng ngoài đôi lời cầu chúc.

Hoàn cảnh cơ cực của người Chăm

*156. di ndey Yuen ni nyu puec saktijai,
ngap [64] hamu o hu padai, hajan angin jang karang,,*

Trên đời này, hết đối phó với người Kinh ăn nói xác xược, người Chăm làm ruộng thất mùa vì thiếu mưa gió điều hòa.

*157. anak Cam malam harei o ndih di sang,
huec di aia klaoh kadang, matai padai Cam abih,,*

Người Chăm ngày đêm vắng mặt ở nhà, vì sợ nước không có trong đám ruộng, làm hư hỏng mùa màng.

*158. hamu kanu tuei ni aia jang o hu,
hamu ni dhaong nyu mak ka nyu, aia ni nduec abih ka Yuen,,
[65]*

⁷⁸ Cho đến hôm nay, người ta không biết 5 vị hoàng tử này là ai? Có chăng họ là những đứa con của quốc vương Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) bị bắt vào năm 1832 để đưa về Huế

Ariya Po Phaok

Ruộng gò của Chăm tưới nước rất khó, nhưng ruộng sâu có hệ thống dẫn thủy nhập điền bị người Kinh chiếm đoạt làm gia tài của họ.

Cuộc sống an bình dưới thời Gia Long

159. *di ndéy patao Ya Laong biak min,
nyu brei janang Saong Mbing, nyu thang di grep nagar jang
nyu thau,,*

Dưới thời vua Gia Long, triều đình Huế thăng⁷⁹ chức Saong Mbing⁸⁰ cho quan lại Chăm mà ai cũng biết.

160. *blaoh nyu phan kaoh nagar,
brei jang [jieng] sa baoh nagar, Cam Panrang gam Cru
Raglai Sraoh Karang,,*

Sau đó triều đình Huế phân⁸¹ chia lãnh thổ trong đó có một khu vực dành cho Chăm Phan Rang và Churu Ragalai ở Sraoh Karang⁸².

161. *daok di wak po sa urang sa bulan, [66]
baol nga bhap daok di sang, duh ni dak jang o hu,,*

Mỗi người Chăm chỉ làm phục dịch một tháng cho quan lại của mình, trong khi đó dân chúng không có việc gì khác ngoài ở nhà nuôi vợ con.

⁷⁹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *thang*, tiếng Việt “thăng”

⁸⁰ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Saong Mbing*, tiếng Việt “Thống Binh”. Theo Génibrel (tr. 845), Thống Binh là sĩ quan cấp tướng trong quân đội. Trong lịch sử Champa, Po Saong Nyung Ceng (1799-1822) đã nhận chức Khâm Sai Thống Binh Cai Cơ của triều đình Huế (DNTLCB, II, tr. 124).

⁸¹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *phan*, tiếng Việt “phân”.

⁸² *Sraoh Karang* là tên địa danh của Churu và Raglai, nhưng không biết nằm ở đâu.

162. *putao dihlau jéng o ka hu,
hu dom nyu brei janang Po Cang, di grep nagar jang nyu
thau,,*

Gia Long là vị vua đầu tiên ban cho người Chăm chức Po Cang (ngài chuông cơ) mà ai cũng biết trong khắp xứ sở.

163. *patao phan blaoh nyu ew mai,
nyu brei ni thau Parik saong Pajai, ni Cru Raglai jang abih,,
[67]*

Một khi đã phân chia lãnh thổ, triều đình Huế thông báo sự việc cho đồng bào Chăm ở Phan Rí và Phú Hải cũng như người Churu và Raglai.

164. *blaoh nyu brei Kai Nduey phan kli thuok ni kuan,
ganuer urang sa palei, sa urang daok di war po ganuer,,*

Sau đó, triều đình Huế ban cho chức Cai Đội⁸³, phân chia Tri Thổ Quan⁸⁴, mỗi thôn có một ông quan lại.

165. *thuk di kal mang ni Cru sa [si] tel Cam,
janâk [ganâp] meda sang lam, duh ni dak jang o hu,,*

Người Churu và Chăm hưởng bao tốt lành, người có tiền của xây dựng cả nhà “sang lam”⁸⁵ và nô dịch cũng không có.

166. *kuna Po nao pathau pak aia*

⁸³ Tác phẩm 29 (1) ghi: *Kai Nduey*, tiếng Việt “Cai Đội”.

⁸⁴ Tác phẩm CM 20 (1) ghi: *Kli Thuok Kuan*, tiếng Việt “Tri Thổ Quan”, chức quan lại dành cho dân tộc Thổ, tức là người Chăm.

⁸⁵ *Sang lam* là một kiểu nhà sang trọng và kiên cố, dành cho những người giàu có và quan lại.

Ariya Po Phaok

Cam [68] su Cru ganâk [ganâp] mada, mang di ndey Po Su Mbing Po Neng,,

Xin Po cho 4 quốc gia biết rằng dưới thời Po Su Mbing và Po Neng⁸⁶, người Chăm và Churu làm ăn rất an bình và thịnh vượng.

*167. dua Po Yuen ni brei sa janang,
ngap ni mbeng biak lanang, baol nga bhap suk hatai,,*

Po Su Mbing và Po Neng là hai quan lại do triều đình Huế bổ nhiệm giúp người Chăm, Churu làm ăn phát đạt và an vui.

Thống kê dân số dưới thời Minh Mệnh

*168. dua Po trun di rai jang brai,
baol nga bhap jang matai, calah caluen ka abih,,*

Khi Po Su Mbing và Po Neng hết nhiệm kỳ, mọi việc đều tan vỡ. Quần chúng chết chóc, chia cách nhau mỗi người mỗi nơi.

*169. di ndey po Phaok Yuen [69] nyu mak Cam biak,
Yuen ataong paraong paraih Cam dahlak, lima ni pluh pak thun mang ni,,*

Dưới thời Po Phaok The, người Kinh nắm quyền trừng trị người Chăm tính ra gần 54 năm qua⁸⁷.

170. pak ndey putao sa ratuh thun mang ni,

⁸⁶ Cho đến hôm nay người ta không biết Po Su Mbing và Po Neng là ai. Có thể hai quan lại này được triều đình Huế bổ nhiệm sau ngày vương quốc Champa bị xóa bỏ trên bản đồ vào năm 1832?

⁸⁷ Câu 180 của CM 20 (1) viết rằng ba đời của vua người Kinh thật là khôn khéo, họ bắt người Chăm và Churu làm lính xung phong vào chiến trường đúng một chu kỳ là 54 năm.

Ariya Po Phaok

Cru Raglai Cam Buni [bani], calah caluen nao abih,,

Bốn đời vua kéo dài gần 100 năm⁸⁸, Churu Raglai, Cham và Bani hoàn toàn bị chia cách nhau

*171. tadhuh ayuh Cei su Po Dobuta [Dobata], [70]
sa [si] mboh nagar nés pabha, ni thak [tak] di kal kayua Po,,*

Xin gửi chúc tụng đến Cei và Po có đủ quyền thần thông, nếu vương quốc Champa bị sụp đổ thì lỗi này cũng do Po một phần nào.

*172. di ndey Yuen pangap ni so grep nagar,
ba ni mai ka nyu apan, o brei labaih sa urang,,*

Chính quyền người Kinh ra lệnh thống kê dân số người Chăm không chừa một người nào.

*173. lima sa tian jang nyu ngap so bu-ar [ba-ar],
Parik Panrang Kraong Pajai, di grep [71] palei jang hu,,*

Mỗi làng người Chăm từ Phan Rí, Phan Rang, Long Hương, Phú Hải, phải thống kê dân số, dù gia đình có 5 anh em ruột cũng phải có tên trên danh sách.

*174. Yuen paguen sa bulan biak sang,
taom abih pak galang, di grep nagar ka nyu karii karia [kahri
kahra] takai baol,,*

Chính quyền người Kinh hẹn một tháng sau để tất cả người Chăm phải tập trung tại nhà kho đôn lữ hầu kê khai dân số.

175. kuna di Po nao akhan pa-abih,

⁸⁸ Người ta không biết tác giả ám chỉ cho triều đại nào?

Ariya Po Phaok

*Yuen karia [kahra] tah katih, nyu thau ni jon [jén] di [72]
Cam yap akaok,,*

Xin Po cho mọi người biết rằng chính quyền người Kinh tính số dân với bản tính sau đó bắt người Chăm phải đóng thuế từng đầu người.

*176. Parik Panrang Kraong Pajai hia caok,
Yuen nyu rik grep akaok, di riim ni thun riim bulan,,*

Bà con Chăm Phan Rí, Phan Rang, Long Hương, Phú Hải khóc than về chính quyền người Kinh đóng thuế từng đầu người cả tháng, cả năm.

*177. anak Cam biak gula [gila] caik o thau,
Po ni mai kal dihlau, kieng ngap ni dhar wek ka nyu,,*

Người Chăm khờ dại không biết xử lý như thế nào, chỉ chờ Po làm phước thành để bảo vệ cho họ.

*178. Po su Cei kakabak [kalabak] aiek palei, [73]
anak ni Cam lakei kumei, klak ni sang dep majua,,*

Po và Cei cứ đi xem từng làng để biết trai gái Chăm bỏ nhà trốn đi nơi khác.

*179. anak Cam daok ka-ndaong duessak [duissak],
Po ni dang di pa-ndiak, Po ni piéh dalam hatai,,*

Những người Chăm còn sót lại thật là tội nghiệp. Có đứng ngoài nắng, Po mới biết thế nào là khổ đau.

Lời cầu ước của tác giả

*180. Po sanang dalam ni tian piéh ka,
Po ni mai sa mbeng tra, anak [74] ni Cam thau ka drei,,*

Ariya Po Phaok

Những gì Po nghĩ về Chăm nên giấu kín trong lòng. Kỳ sau Po trở lại, có thể người Chăm mới biết mình là ai.

*181. anak Cam ni biak truh gala,
Aluah ni tiap ramada, mai pasiam nagar ita,,*

Cũng vì dân tộc Chăm quá khờ dại, thành ra Đấng Allah phải sai quan đặc sứ đến hướng dẫn dân tộc này.

*182. Po su Cei maong di ngaok tuara,
Po lakau Dobuta, ngap ni dhar wek ka Cam,,*

Po và Cei nên xem sao trên trời để xin Đấng thiêng liêng ban đức thành cho dân tộc Chăm.

Khí hậu mùa màng thất thu

*183. di grep nagar Parik Panrang Kraong [75] Pajai,
nagar Parik Panrang Kraong Pajai, thei ra thau sakirai, mak
tabiak blaoh panah,,*

Tại xứ sở Phan Rí, Phan Rang, Long Hương và Phú Hải⁸⁹, những ai biết thực trạng của dân tộc Chăm nên chuyển tải đến người khác.

*184. paran per luec ni phun tel hajung,
di grep nagar jang tarung, thei sanang baik bi mboh,,*

Đi từ địa đầu cho tới điểm cuối của vương quốc, quần chúng đều thấy xứ sở lâm vào tình trạng rối ren.

185. ndey ni la-ua tanah pala tangoy [tangey],

⁸⁹ Câu 183 lặp lại hai lần: *Parik Panrang Kraong Pajai*.

Ariya Po Phaok

drak [76] ratak hajan angin jang jhak, hajan tanran jang karang,,

Trên đời này, người Chăm cày đất trồng đậu trồng bắp, nhưng không có mưa thuận gió hòa.

*186. anak Cam daok sanang blaoh hia,
lakau di Po Dobata, oh mboh jalan trun marai,,*

Người Chăm than thở cho trời không có mưa, chỉ còn cách là xin Po Dobata giúp đỡ

*187. anak Cam daok sanang huec lo,
lac [77] nagar o hu po, tangoy [tangey] ritak matai abih,,*

Người Chăm lúc nào cũng lo âu, một khi vương quốc bị sụp đổ, mùa màng bị tiêu hủy.

*188. nagar Cam halun ni lahik ganuer iw hanuk,
hajiéng nagar praong suk [chuk], Aluah Tala pakarang,,*

Một khi vương quốc Champa vương phải sai lầm, quan thần Champa cũng biến mất và quyền lực của Đấng Aluah Tala cũng giảm đi.

*189. balan pak aia ni kraong thu ca-ndang,
kabaw manues [manuis] ngan urang, thu o hu kieng manyum,,*

Vào tháng 4 mỗi năm, nước sông khô ráo, thiên hạ và súc vật không có nước để uống.

*190. nagar Cam dar ni dua canah kraong dol [duel],
hajiéng lahik po ganuer, baol nga bhap jang karang,,*

Ariya Po Phaok

Vương quốc này nằm giữa hai nhánh sông bị lấp đất. Chính vì thế, quan lại và quốc vương không còn, dân số càng ngày càng ít.

*191. ga-mbak di Po saong ni Cei nao pathau,
kraong ni Cam halun oh hu haluw, Po sanang hai ka Cam,,*

Xin Po và Cei nên thông cảm rằng sông ngòi của người Chăm cũng không có nguồn.

*192. nagar Cam lahik abih ganuer acar,
klaik di Yuen sa pakar, lac ni piéh mbeng ka Po,,*

Vương quốc Champa mất hết quan thần, người Chăm phải đánh cắp một món đồ của người Kinh để dành cho Po.

Chính sách chiếm đoạt ruộng muối

*193. Yuen parok hamu sara dar kraong,
nyu [80] ngap di Cam kieng karaong, ra-mbah ra-mbâp âk
[ek] lapa,,*

Người Kinh lấy đất để xây dựng ruộng muối lấp cả con sông làm cho người Chăm khổ cực và đói khát.

*194. adat Cam khin [ukhin] bikan lo mada,
kraong ni oh truh yawa, Po sanang dalam hatai,,*

Phong tục Chăm có lẽ điều kiêng cử làm cho con cá hồng⁹⁰ thờ cũng không được. Po nên suy nghĩ lại trong lòng

195. mang kal dihlau hamu sara Cam macai,

⁹⁰ Tác phẩm 29 (1) ghi: *kraong* ám chỉ cho « cá hồng ».

Ariya Po Phaok

nyu tiap tagok [81] daok di glai, Yuen mak hamu sara ka nyu,,

Xưa kia, người Chăm hoàn toàn làm chủ trên ruộng muối⁹¹. Sau này người Kinh đuổi họ lên rừng núi, để lấy hết sở hữu ruộng muối của dân tộc này.

*196. kana di Po nao pathau pak aia
Cam ni hai hamu sara, Yuen ni mak abih ka nyu,,*

Xin Po tâu với 4 quốc gia rằng, người Kinh lấy hết ruộng muối của người Chăm.

*197. ndey patao Cam mak ni Yuen pakhik darak,
Yuen mabai nyu [82] ngap jhak, nyu mak ni Cam jiéng halun,,*

Xưa kia, vua Champa bắt người Kinh làm người gác gian cho chợ búa. Hôm nay người Kinh trả thù bằng cách bắt người Chăm làm nô lệ cho họ.

* *

*198. mayah Po anit Parik Panrang Kraong Pajai,
Cru Raglai ew abih taom marai, ni thot [that] biyak Po su Cei,,*

Nếu Po còn thương hại cho Parik, Phan Rang, Long Hương và Phú Hải, chúng con sẽ tập trung hết những người Churu và Raglai để phục dịch cho Po và Cei.

⁹¹ Trong quá trình của lịch sử, người Chăm chuyên về nghề khai thác ruộng muối trong khu vực Cà Ná và Nại (Ninh Chữ, Phan Rang). Năm 1832, vua Minh Mệnh ra lệnh cấm người Chăm sinh sống gần bờ biển và tịch thu toàn diện ruộng muối của họ.

Ariya Po Phaok

199. *Po nao ra-mbi ra-mbâp di riim thun bulan,
sa [83] baoh nagar Nosarawan, abih lijang alin ka Po,,*

Po ra đi hàng năm hàng tháng với bao khôn khổ, chúng con xin dâng xú sở Nosarawan⁹² cho ngài.

200. *tadhuw ayuh Po sumu Dobuta [Dobata],
Po ni daok tel taha, nagar ni Cam halun ga-mbak,,*

Xin chúc Po được sống vạn thọ để vương quốc Champa được nhờ.

201. *jhak dihlau tel hadei jiéng Nuerapa [Norapa],
mang di kal dit diya, baol [84] nga bhap kumei lakei aen
[auen] tabuen,,*

Vào những thời xa xưa⁹³, người Chăm thường có câu: gặp tai họa trước sau này trở thành vua, có như thế dân chúng được hưởng nhờ những an vui.

202. *di grep nagar Cam Buni [Bani] oh thau sa [si] auen,
tel ra mai hadei pajhen, ho [hâ] ni maik yau liman,,,*

Trong khắp vương quốc, Chăm và Bani không biết gì là an vui. Một khi người Kinh bắt đầu lấn áp⁹⁴ người Chăm, dân tộc này mới biết thế nào là thân phận của họ ./.

⁹² Tác phẩm 29 (1) ghi: *Nagar Nosarawan*, ám chỉ cho vương quốc Champa. Xem CAM 64 (7), CAM 142 (2), CAM 151 (22).

⁹³ *dit diya* ám chỉ “xưa kia, đất nước”. Trong câu này, *dit diya* có nghĩa: xa xưa, trước kia”

⁹⁴ Tác phẩm 20 (1) ghi: *pajhen* “lấn áp”.